

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO
SEAREFICO CORPORATION

-----o0o-----

Số/No.: 031./CV/SRF/BTGD/26

V/v: Giải trình biến động số liệu Báo cáo tài chính
2025 so với 2024 và so với số trước kiểm toán 2025

Re: *Explanation of business result*
2025 in compared to 2024 and pre-audited 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

-----o0o-----

TP. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2026

HCM City, March 30th, 2026

Kính gửi - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
To - **THE STATE SECURITIES COMMISSION**
- **HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE (HOSE)**

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Based on Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance providing guidelines on the disclosure of information in the securities market;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 2025 và 2024 đã được công bố.
Based on the separate and consolidated financial statements for 2025 and 2024 that have been disclosed.

Công ty Cổ phần Searefico (Mã CK: SRF) giải trình về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính 2025 như sau:

Searefico Corporation (SRF) provides the following explanation regarding its business results in the 2025 financial statements:

1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT

1.1. Giải trình biến động số kiểm toán 2025 so với số kiểm toán 2024

Explanation of 2025 audited business result in compared to 2024 audited

CHỈ TIÊU ITEMS	2025 VND	2024 VND	BIẾN ĐỘNG VARIANCE +/- VND	TỶ LỆ RATE +/- %
Doanh thu thuần <i>Revenue</i>	1.207.572.610.706	1.082.727.400.017	124.845.210.689	11,53%
Giá vốn hàng bán/ <i>COGS</i>	1.175.397.812.010	1.012.283.129.698	163.114.682.312	16,11%
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	32.123.107.570	70.444.270.319	(38.321.162.750)	-54,40%
Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial Income</i>	194.704.330.144	7.757.212.844	186.947.117.300	2409,98%
Chi phí tài chính <i>Financial expenses</i>	60.150.358.385	30.992.605.210	29.157.753.175	94,08%
Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>SG&A</i>	105.123.889.835	57.577.987.653	48.768.324.373	86,54%

CHỈ TIÊU ITEMS	2025 VND	2024 VND	BIẾN ĐỘNG VARIANCE +/- VND	TỶ LỆ RATE +/- %
Lợi nhuận khác <i>Other profit</i>	(19.078.314.124)	17.119.341.380	(36.197.655.504)	-211,44%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	31.546.530.110	6.750.231.680	24.796.298.430	367,34%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	24.558.396.072	1.212.916.949	23.345.479.123	1924,74%

Kết quả kinh doanh Hợp nhất / Consolidated Business Results: Doanh thu thuần đạt 1.207 tỷ đồng (tăng 11,53% so với năm trước). Lợi nhuận sau thuế ghi nhận 24,5 tỷ đồng (tăng 1.924,74% so với năm 2024). Chủ yếu là do trong năm nay Công ty tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp thiết bị và thi công lắp đặt đã ký, đẩy nhanh công tác nghiệm thu, quyết toán và xử lý các dự án tồn đọng. Bên cạnh đó lợi nhuận còn được đóng góp từ hoạt động chuyển nhượng vốn đầu tư tại Arico.

Net revenue reached VND 1,207 billion (an increase of 11.53% year-on-year). Profit after tax was recorded at VND 24.5 billion (an increase of 1,924.74% in compared to 2024). This was primarily due to the Company continuing to execute its signed equipment supply and installation contracts this year, while accelerating the acceptance, final settlement, and resolution of backlogged projects. Additionally, the profit was also contributed by the transfer of capital investment in Arico.

1.2. Giải trình biến động số kiểm toán 2025 so với số trước kiểm toán 2025

Explanation of 2025 business result audited in compared to 2025 pre-audited

CHỈ TIÊU ITEMS	2025 đã kiểm toán 2025 audited VND	2025 chưa kiểm toán 2025 non-audited VND	BIẾN ĐỘNG VARIANCE +/- VND	TỶ LỆ RATE +/- %
Doanh thu thuần <i>Revenue</i>	1.207.520.919.579	1.229.522.376.492	(22.001.456.913)	-1,8%
Giá vốn hàng bán/ <i>COGS</i>	1.175.397.812.010	1.190.687.978.069	(15.290.166.060)	-1,3%
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	32.123.107.570	38.834.398.423	(6.711.290.854)	-17,3%
Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial Income</i>	194.704.330.144	194.346.449.170	357.880.974	0,2%
Chi phí tài chính <i>Financial expenses</i>	60.150.358.385	59.775.886.337	374.472.048	0,6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>SG&A</i>	105.123.889.835	127.786.459.803	(22.662.569.969)	-17,7%
Lợi nhuận khác <i>Other profit</i>	(19.078.314.124)	(1.947.374.156)	(17.130.939.968)	879,7%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	31.546.530.110	34.347.898.228	(2.801.368.118)	-8,2%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	24.558.396.072	22.176.507.946	2.381.888.126	10,7%

Lợi nhuận sau thuế đã kiểm toán tăng 10,7% so với số liệu đã công bố trước kiểm toán. Sự biến động này chủ yếu do các điều chỉnh liên quan đến khoản dự phòng đầu tư vào công ty liên kết và các khoản dự phòng

tồn thất tài sản khác.

The audited Profit After Tax increased by 10.7% in compared to the pre-audited figures. This variance was primarily driven by adjustments to provisions for investments in associates and other asset impairment provisions.

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

SEPARATE FINANCIAL STATEMENT

2.1. Giải trình biến động số kiểm toán 2025 so với số kiểm toán 2024

Explanation of 2025 business result audited in compared to 2024

CHỈ TIÊU ITEMS	2025 VND	2024 VND	BIẾN ĐỘNG VARIANCE +/- VND	TỶ LỆ RATE +/- %
Doanh thu thuần <i>Revenue</i>	211.895.925.254	21.974.453.881	189.921.471.373	864,28%
Giá vốn hàng bán/ <i>COGS</i>	268.134.646.241	15.076.226.150	253.058.420.091	1678,53%
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	(56.238.720.987)	6.898.227.731	(63.136.948.718)	-915,26%
Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial Income</i>	172.470.219.396	15.502.624.256	156.967.595.140	1012,52%
Chi phí tài chính <i>Financial expenses</i>	21.379.602.243	3.308.501.514	18.071.100.729	546,20%
Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>SG&A</i>	69.354.611.687	18.408.588.720	50.946.022.967	276,75%
Lợi nhuận khác <i>Other profit</i>	(19.280.697.546)	9.206.455.168	(28.487.152.714)	-309,43%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	6.216.586.933	9.890.216.921	(3.673.629.988)	-37,14%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	3.466.346.463	8.996.265.669	(5.529.919.206)	-61,47%

Trong năm 2025, Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận mức tăng trưởng đạt 189.921.471.373 VND (tương đương tăng 8,6 lần so với cùng kỳ). Tuy nhiên, Lợi nhuận sau thuế sụt giảm 61,47%. Nguyên nhân trọng yếu do Công ty chủ động áp dụng nguyên tắc thận trọng, ưu tiên xử lý triệt để các vấn đề tồn đọng thông qua việc trích lập đầy đủ các khoản dự phòng tổn thất tài sản.

In 2025, Net Revenue from sales and service recorded an impressive growth of VND 189,921,471,373 (equivalent to an 8.6-fold increase year-on-year). However, Profit After Tax declined by 61.47%. The primary cause was the Company's proactive adoption of the prudence principle, prioritizing the complete resolution of outstanding issues by fully recognizing provisions for asset impairments.

2.2. Giải trình biến động số kiểm toán 2025 so với số trước kiểm toán 2025

Explanation of 2025 business result audited in compared to 2025 pre-audited

CHỈ TIÊU ITEMS	2025 đã kiểm toán 2025 audited VND	2025 chưa kiểm toán 2025 non-audited VND	BIẾN ĐỘNG VARIANCE +/- VND	TỶ LỆ RATE +/- %
Doanh thu thuần Revenue	211.895.925.254	211.895.925.254	0	0%
Giá vốn hàng bán/ COGS	268.134.646.241	265.636.635.777	2.498.010.464	0,94%
Lợi nhuận gộp Gross profit	(56.238.720.987)	(53.740.710.523)	(2.498.010.464)	4,65%
Doanh thu hoạt động tài chính Financial Income	172.470.219.396	172.470.219.396	0	0%
Chi phí tài chính Financial expenses	21.379.602.243	44.282.991.188	(22.903.388.945)	-51,72%
Chi phí quản lý doanh nghiệp SG&A	69.354.611.687	68.390.768.129	963.843.558	1,41%
Lợi nhuận khác Other profit	(19.280.697.546)	(2.631.366.445)	(16.649.331.101)	632,73%
Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	6.216.586.933	3.424.383.111	2.792.203.822	81,54%
Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	3.466.346.463	1.207.924.170	2.258.422.293	186,96%

Lợi nhuận sau thuế đã kiểm toán tăng 186,96% so với số liệu đã công bố trước kiểm toán. Sự biến động này chủ yếu do các điều chỉnh liên quan đến khoản dự phòng đầu tư vào công ty liên kết và các khoản dự phòng tổn thất tài sản khác.

The audited Profit After Tax increased by 186.96% in compared to the pre-audited figures. This variance was primarily driven by adjustments to provisions for investments in associates and other asset impairment provisions.

Công ty Cổ phần Searefico xin giải trình đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Quý cổ đông nắm rõ.

Searefico Corporation would like to provide this explanation to the State Securities Commission, the Ho Chi Minh City Stock Exchange, and all shareholders for their understanding.

Trân trọng./.

Sincerely./.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/ As stated above;
- HĐQT (báo cáo)/ BOD (reported);
- Lưu VT/Archived.



NGUYỄN KHOA ĐĂNG
Tổng Giám đốc/ Chief Executive Officer